TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HCST
Ngày: 14-02-2022
V/v:"khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh.

2. Ông Đoàn Văn Tâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST-HC ngày 09 tháng 6 năm 2020 về "*khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937.

Địa chỉ: khu phố 7, Phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

** Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Cùng địa chỉ: số 04 đường 30/4, khu phố 1, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Phan Văn T và ông Trần Chiến T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N và người đại diện ông Phan Văn T trình bày:

Bà Nguyễn Thị N có diện tích đất trồng cây lâu năm 13.026,9m^2 tại khu phố 7, thị trấn An Thới, huyện D (nay là Phường C, thành phố D), tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29/11/2019 UBND thành phố D ra Quyết định số 5523/QĐ-UBND và Quyết định số 5533/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà N 13.026,9m^2 để thực hiện dự án khu dân cư và đô thị Hưng Phát.

Ngày 11/12/2019 UBND thành phố D ra Quyết định số 5814/QĐ-UBND về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho bà N với số tiền 15.459.110.800 đồng (mười lăm tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu, một trăm mười ngàn, tám trăm đồng).

Bà N không đồng ý nhận tiền bồi thường vì cho rằng giá đất bồi thường không phù hợp với thực tế, UBND thành phố D không hỗ trợ nên tái định cư cho bà trong khi bà không còn chỗ ở nào khác nên không đồng ý nhận tiền theo Quyết định bồi thường.

Ngày 20/3/2020 Chủ tịch UBND thành phố D ra Quyết định số 1629/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất với bà N.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 5814/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện (nay thành phố) D về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Nguyễn Thị N.

Buộc UBND thành phố D ra quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới cho bà N theo qui định của pháp luật.

Hủy Quyết định số 11629/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Tại biên bản đối thoại ngày 16/3/2021 ông T xác định bà N đã tự nguyện giao đất cho nhà đầu tư nên rút lại yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế số 1629/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, UBND thành phố D có ý kiến trình bày tại văn bản số 794/UBND-NCPC ngày 20/11/2020 như sau:

Ngày 19/6/2017, UBND huyện D ra Thông báo thu hồi đất số 284/TB-UBND, diện tích dự kiến thu hồi 14.321,7m² đối với bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án khu dân cư và đô thị Hưng Phát thuộc khu dân cư và đô thị mới Suối Lớn tại khu phố 7, thị trấn C và ấp Suối Lớn, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28/11/2019, UBND huyện D ban hành quyết định số 5526/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu dân cư và đô thị Hưng Phát thuộc khu dân cư và đô thị mới Suối Lớn tại khu phố 7, thị trấn An Thới và ấp Suối Lớn, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang. Cùng ngày UBND huyện D ban hành Quyết định số 5532/QĐ-UBND; Quyết định số 5533/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND huyện D về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia công cộng đối với bà Nguyễn Thị N diện tích 13.026,9m².

Ngày 11/12/2019, UBND huyện D ban hành quyết định số 5814/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu dân cư và đô thị Hưng Phát thuộc khu dân cư và đô thị mới Suối Lớn tại khu phố 7, thị trấn C và ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, huyện D, tỉnh Kiên Giang đối với bà Nguyễn Thị N với số tiền 15.459.110.800 đồng (đất đai được bồi thường diện tích 13.026,9m² với số tiền 5.875.005.400 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích 13.026,9m² với số tiền 9.563.945.400 đồng và hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 20.160.000 đồng).

Việc gia đình bà N cho rằng giá đất bồi thường không phù hợp với thực tế là không phù hợp khoản 2, Điều 74 Luật đất đai năm 2013. Vì UBND huyện đã bồi thường cho bà N theo Quyết định 1209/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của

UBND tỉnh về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu dân cư và đô thị cao cấp Hưng Phát tại xã C và thị trấn C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Việc nhà nước không bố trí tái định cư cho gia đình bà N là phù hợp Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nươc thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Vì diện tích đất của bà N bị thu hồi là đất nông nghiệp không phải là đất ở và cũng không có nhà ở trên đất (Kèm theo Biên bản số 07/BB-HĐ ngày 19/4/2019 của UBND thị trấn C về việc họp xét tái định cư cho các hộ dân nằm trong dự án khu dân cư và đô thị cao cấp Hưng Phát tại xã C và C An Thới, huyện D, tỉnh Kiên Giang).

Ngày 26/02/2020, UBND thị trấn C có Báo cáo số 29/BC-UBND về quá trình vận động thuyết phục bà Nguyễn Thị N giao đất nhưng bà N vắng mặt không lý do.

Ngày 28/02/2020, Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện D có Bản đề nghị số 27/BĐN-BBT về việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị N.

Ngày 20/03/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ra Quyết định số 1629/QĐ-UBND của về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án dự án khu dân cư và đô thị cao cấp Hưng Phát tại xã C và thị trấn C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Từ những kết quả trên UBND huyện D khẳng định Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 5814/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện D về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Nguyễn Thị N là đúng quy đinh pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông T đại diện cho bà N cho rằng đất bà N có vị trí cách biển 400m nên phải áp dụng giá đất theo giá đất giáp biển, không tính theo vị trí giáp đường.

Ngoài ra Ủy ban ra quyết định thu hồi nhưng 15 ngày sau mới ra quyết định bồi thường là chậm gây thiệt hại cho bà N. Yêu cầu bố trí cho bà N 01 nền tái định cư vì hiện nay bà N không có nhà ở.

Đại diện người bị kiện UBND thành phố D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Việc bồi thường đã được áp dụng đúng qui định của pháp luật. Theo qui định tại Điều 93 Luật đất đai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất có hiệu lực pháp luật thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải chi trả bồi thường, nên trả sau 15 ngày là không chậm.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng hành chính của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật. Tòa án thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đủ điền kiện để đưa vụ án ra xét xử.

Người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Đình chỉ yêu cầu Hủy Quyết định số 11629/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Bác yêu cầu hủy Quyết định số 5814/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện (nay thành phố) D về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Nguyễn Thị N và bác yêu cầu hỗ trợ 01 nền tái định cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện Quyết định của UBND thành phố D và Chủ tịch UBND thành phố D là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về giá bồi thường quyền sử dụng đất.

Để có căn cứ bồi thường quyền sử dụng đất khi thu hồi đất thự hiện Dự án khu dân cư và đô thị cao cấp Hưng Phát ngày 29/5/2019 UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 1209/QĐ-UBND về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất.

Tại Điều 1 Quyết định qui định giá đất trồng cây lâu năm khu vực thị trấn An Thới vị trí 1 là 522.000đ/m^2, vị trí 2 là 355.000đ/m^2. Đối chiếu bảng chiết tính chi tiết bà N được bồi thường đất ở vị trí 1 và vị trí 2. Căn cứ sơ đồ đo đạc đất của bà N bị thu hồi có chiều dài trên 100m. Theo qui định của UBND tỉnh Kiên Giang tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 thì đất nông nghiệp trên địa bàn huyện D có 2 vị trí, vị trí 1 từ mét thứ nhất giáp đường giao thông đến mét thứ 90, còn lại là vị trí 2. Việc UBND thành phố D bồi thường diện tích 13.026,9m^2 là phù hợp. Ông T cho rằng đất bà N phải được tính theo vị trí giáp biển. Tuy nhiên theo Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 thì đất nông nghiệp trong dự án khu dân cư và đô thị Hưng Phát thì không có vị trí giáp biển nên không thể chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đối với yêu cầu hỗ trợ 01 nên tái định cư: Tại biên bản làm việc ngày 19/4/2019 của UBND thị trấn An Thới bà Nguyễn Thị N cùng các con là Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc A. Bà N xác định: Cây trồng, vật kiến trúc trên đất là của các con bà N, bà N chỉ có diện tích đất theo quyết định thu hồi.

Đất của bà N không phải là đất ở, bà N không có nhà trên đất nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ nền tái định cư theo qui định tại khoản 3, Điều 19 Quyết định số 22/2015/QĐUBND của UBND tỉnh Kiên Giang đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Bác yêu cầu hủy Quyết định số 5814/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện (nay thành phố) D về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Nguyễn Thị N và bác yêu cầu hỗ trợ 01 nền tái định cư.

Đình chỉ yêu cầu Hủy Quyết định số 11629/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Căn cứ Điều 86, 93 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐUBND và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc hủy Quyết định số 5814/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện (nay thành phố) D về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Nguyễn Thị N và bác yêu cầu hỗ trợ 01 nền tái định cư.

Đình chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 11629/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2022)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu